

Một số bất cập trong việc xác định chi phí tư vấn đầu tư xây dựng

Some challenges in determining The cost of construction investment consulting

> TS NGUYỄN THỊ TUYẾT DUNG, THS VŨ PHƯƠNG NGÂN

Bộ môn KTXD và ĐT, Khoa Quản lý đô thị, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Email: dungntt@hau.edu.vn; nganvp@hau.edu.vn

TÓM TẮT

Ngành Xây dựng giữ vai trò quan trọng trong quá trình phát triển cơ sở vật chất, hạ tầng cho toàn xã hội, phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây là lĩnh vực có vốn đầu tư lớn, chiếm tỷ trọng cao trong ngân sách của nhà nước cũng như kế hoạch vốn hàng năm của doanh nghiệp. Vì vậy công tác quản lý chi phí luôn được nhà nước và các chủ đầu tư quan tâm, trong đó chi phí tư vấn đầu tư xây dựng là một trong những thành phần quan trọng của dự toán xây dựng công trình. Theo quy định, với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án PPP, khoản mục chi phí này được tính dựa trên hướng dẫn của các văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, việc áp dụng các quy định của nhà nước để xác định chi phí tư vấn còn một số bất cập, định mức chi phí tư vấn nói chung thấp so với tính chất công việc, có những khoản mục chi phí không được quy định cụ thể, gây khó khăn cho công tác quản lý của nhà nước và thanh toán của nhà thầu. Bài báo phân tích cụ thể và chỉ ra những bất cập trong xác định chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế đó.

Từ khóa: Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí; định mức, công tác quản lý.

ABSTRACT

The construction industry plays an important role in developing infrastructure for society, serving the industrialization and modernization process of the country. This is a sector with large investment capital, accounting for a high proportion in the state budget as well as the annual capital plan of enterprises. Therefore, cost management is always a concern of the state and investors, including the cost of construction investment consulting, which is one of the important components of construction project budgeting. According to regulations, for projects using public investment capital, state investment capital, PPP projects, this cost item is calculated based on the guidance of legal documents. However, the application of state regulations to determine consulting costs still has some shortcomings, with the general consulting cost standards being low compared to the nature of the work, and some cost items are not specifically regulated, causing difficulties for state management and contractor payments. This article analyzes and points out specific shortcomings in determining the cost of construction investment consulting, and proposes some recommendations to overcome these limitations.

Keywords: Construction investment consulting costs, cost, standards, management.

1. NỘI DUNG, VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng (gọi tắt là tư vấn xây dựng) gồm lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế xây dựng, thẩm tra, kiểm định, thí nghiệm, quản lý dự án, giám sát thi công và công việc tư vấn khác có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng [1]. Cụ thể bao gồm các công việc sau:

- Lập nhiệm vụ, lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng, lập nhiệm vụ thiết kế; thực hiện khảo sát xây dựng, giám sát khảo sát xây dựng; lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có), Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (nếu có), Báo cáo

nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

- Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có), Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; thẩm tra thiết kế công nghệ của dự án (nếu có); thẩm tra phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; thi tuyển phương án kiến trúc; thiết kế xây dựng công trình; thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, dự toán xây dựng;

- Lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất để lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu trong

hoạt động xây dựng; giám sát thi công xây dựng, giám sát lắp đặt thiết bị;

- Lập, thẩm tra định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng công trình; thẩm tra an toàn giao thông; áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM);

- Tư vấn quản lý dự án (trong trường hợp thuê tư vấn); thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng; kiểm tra chất lượng vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình theo yêu cầu của chủ đầu tư (nếu có); kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, toàn bộ công trình (nếu có); giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình (trong trường hợp thuê tư vấn);

- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường sơ bộ, báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc và giám sát môi trường trong quá trình thi công xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Thực hiện việc quy đổi vốn đầu tư xây dựng công trình sau khi hoàn thành được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng (nếu có);

- Các công việc tư vấn khác có liên quan.

Có thể thấy hoạt động tư vấn xây dựng rất đa dạng, gồm nhiều công việc có tính chất khác nhau, đặc thù theo từng lĩnh vực chuyên môn, từ giai đoạn hình thành ý tưởng, chuẩn bị đầu tư cho đến khi đưa công trình vào khai thác, sử dụng. Vì thế, hoạt động này có vai trò quan trọng, ảnh hưởng lớn đến chất lượng, tiến độ, chi phí và hiệu quả dự án.

Đặc điểm của sản phẩm tư vấn xây dựng chủ yếu là lao động trí tuệ, lao động chất xám, phụ thuộc vào khả năng, kiến thức chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cũng như kinh nghiệm của nhà tư vấn. Để đảm bảo chất lượng của hoạt động này, đòi hỏi đội ngũ kỹ sư tư vấn phải có trình độ chuyên môn giỏi, có kiến thức chuyên sâu và nhiều kỹ năng, kinh nghiệm trong quá trình thực hiện nghề nghiệp. Họ là những chuyên gia tư vấn song hành cùng chủ đầu tư, góp phần tạo ra chất lượng và giá trị các công trình.

2. QUY ĐỊNH VỀ CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (gọi tắt là chi phí tư vấn) là một trong sáu khoản mục chi phí của dự toán xây dựng công trình, bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện các công việc tư vấn từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng và quyết toán vốn đầu tư. [1], [2]

Nội dung chi phí tư vấn gồm chi phí nhân công tư vấn (tiền lương, các khoản phụ cấp lương, tiền thưởng, phúc lợi tập thể, các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, trích nộp khác theo quy định của pháp luật đối với các cá nhân thực hiện công việc tư vấn tại dự án); chi phí ứng dụng khoa học công nghệ, quản lý hệ thống thông tin công trình; chi phí thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng phẩm, thông tin, liên lạc; chi phí thuê mướn, sửa chữa, mua sắm tài sản phục vụ tư vấn cho dự án (nếu có); chi phí quản lý của tổ chức tư vấn; chi phí khác; thu nhập chịu thuế tính trước; thuế giá trị gia tăng và chi phí dự phòng.

Chi phí tư vấn đã phê duyệt là chi phí tối đa để thực hiện công tác tư vấn đầu tư xây dựng và chỉ được điều chỉnh khi thay đổi về phạm vi công việc, điều kiện và tiến độ thực hiện công tác tư vấn đầu tư xây dựng. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng được quản lý thông qua hợp đồng tư vấn xây dựng.

Theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (gọi tắt là Nghị định số 10/2021/NĐ-CP) thì: Chi phí tư vấn đầu

tư xây dựng được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) do Bộ Xây dựng ban hành hoặc bằng cách lập dự toán trên cơ sở phạm vi công việc tư vấn, khối lượng công việc phải thực hiện, kế hoạch thực hiện của gói thầu và các quy định về chế độ, chính sách do nhà nước ban hành [3]. Như vậy, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng được xác định theo 02 phương pháp sau:

- Xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%);
- Xác định bằng lập dự toán.

Trong thực tiễn áp dụng các quy định để xác định chi phí tư vấn đầu tư xây dựng đã nảy sinh một số bất cập gây khó khăn cho công tác lập, kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng. Xuất phát từ thực tiễn đó, trên cơ sở phân tích chi tiết các khoản mục cấu thành kết hợp với số liệu từ thực nghiệm, bài báo đề xuất một số kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc.

3. MỘT SỐ BẤT CẬP TRONG CÔNG TÁC XÁC ĐỊNH CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

3.1. Chi phí tư vấn xác định bằng dự toán

Dự toán chi phí tư vấn xây dựng được quy định tương đối rõ ràng trong Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/ 8/ 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng (gọi tắt là Thông tư số 11/2021/TT-BXD), gồm các khoản: Chi phí chuyên gia; chi phí quản lý; chi phí khác; thu nhập chịu thuế tính trước; thuế giá trị gia tăng và chi phí dự phòng. Nhưng mức chi phí như hiện nay còn thấp, không đủ chi phí hoạt động của doanh nghiệp, nội dung cũng chưa tiếp cận với các quy định, hướng dẫn của quốc tế [4]. Cụ thể:

(1) Về *Chi phí chuyên gia*: Được tính theo số lượng chuyên gia, thời gian làm việc của chuyên gia và tiền lương của chuyên gia. Tiền lương xác định trên cơ sở đơn giá ngày công chuyên gia [4]. Theo hướng dẫn Thông tư số 11/2021/TT-BXD, đơn giá ngày công quá thấp, không phù hợp với thực tế. Có thể thấy rõ qua so sánh với mức lương đối của chuyên gia từ năm 2015 và 2021 tại bảng 1 và bảng 2.

Bảng 1 và bảng 2 cho thấy mức lương Chuyên gia tư vấn quy định từ thời điểm năm 2015 và điều chỉnh tại thời điểm năm 2021 không hề thay đổi, thậm chí có những thời điểm các địa phương căn cứ theo Thông tư của Bộ Xây dựng quy định khung đơn giá nhân công tư vấn xây dựng đưa ra mức lương tư vấn rất thấp. Mức cao nhất hiện nay theo qui định là 39.000.000 đ/tháng quá thấp so với mặt bằng lương chuyên gia tư vấn trong khu vực và không phù hợp với thực tế. Việc này gây khó khăn trong công tác lập dự toán chi phí tư vấn cho những dự án có quy mô lớn, đòi hỏi cao về trình độ và kinh nghiệm của các chuyên gia tư vấn.

Mặt khác, lương cán bộ tư vấn thấp, gây ra hệ lụy trước mắt là chảy máu chất xám đội ngũ cán bộ, kỹ sư lành nghề, yêu nghề, về lâu dài là khó tuyển sinh, đào tạo nguồn nhân lực trong tương lai.

Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng khó tuyển sinh đầu vào như hiện nay tại các trường đại học đào tạo về lĩnh vực xây dựng.

(2) Về *Chi phí quản lý*: Gồm các chi phí liên quan đến hoạt động của bộ phận quản lý, điều hành tổ chức tư vấn (tiền lương của bộ phận quản lý), chi phí duy trì hoạt động của tổ chức tư vấn; chi phí văn phòng làm việc; chi phí xã hội (đóng quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... theo quy định thuộc trách nhiệm của tổ chức tư vấn); mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và các khoản chi phí quản lý khác có liên quan đến hoạt động của tổ chức tư vấn.

Chi phí quản lý xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) của chi phí chuyên gia, cụ thể tại Bảng 3:

Bảng 3: Tỷ lệ chi phí quản lý [4]

Chi phí chuyên gia (tỷ đồng)	< 1	1 ÷ < 5	≥ 5
Chi phí quản lý (tỷ lệ %)	55	50	45

Đối với doanh nghiệp, tỷ lệ bảo hiểm quy định đóng cho người lao động là 23.5%. Vậy chi phí quản lý thực tế còn lại là 21.5% - 31.5% chi phí chuyên gia. Với tỷ lệ này không đảm bảo duy trì hoạt động cho doanh nghiệp. So với các doanh nghiệp nước ngoài chào giá tại Việt Nam, tỷ lệ này gần bằng 1/3, như phân tích cấu thành chi phí tư vấn của các tổ chức quốc tế (WB, ADB, IMF, UNIDO) theo khu vực chiếm khoảng 133,25%, hoặc nếu tính theo

Bảng 1. Đơn giá ngày công chuyên gia tư vấn xây dựng

(Theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/ 8/ 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng) [4]

Nhóm chuyên gia	Chuyên gia tư vấn xây dựng	Đơn giá/ngày công	Đơn giá/tháng
Nhóm I	- Chuyên gia tư vấn có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 15 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn.	Không vượt quá 1.500.000 đồng/ngày công	Không vượt quá 39.000.000 đồng/tháng
	- Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 8 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn.		
	- Trưởng nhóm tư vấn hoặc chủ trì tổ chức, điều hành gói thầu tư vấn.		
Nhóm II	- Chuyên gia tư vấn có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.	Không vượt quá 1.150.000 đồng/ngày công	Không vượt quá 29.900.000 đồng/tháng
	- Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 8 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.		
	- Chủ trì một hoặc một số hạng mục thuộc gói thầu tư vấn.		
Nhóm III	- Chuyên gia tư vấn có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.	Không vượt quá 770.000 đồng/ngày công	Không vượt quá 20.020.000 đồng/tháng
	- Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 3 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.		
Nhóm IV	- Chuyên gia tư vấn có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.	Không vượt quá 580.000 đồng/ngày công	Không vượt quá 15.080.000 đồng/tháng

Sách hướng dẫn sử dụng tư vấn trong nước thì khoảng 143,5%, còn nếu theo thực tế báo cáo kiểm toán tại doanh nghiệp tư vấn, thì phần chi phí quản lý của doanh nghiệp tư vấn từ 100-140%. [6]

Mặt khác, việc xác định chi phí quản lý theo tỷ lệ phần trăm (%) chi phí chuyên gia có ưu điểm là tính nhanh, nhà tư vấn không mất thời gian lập dự toán, người thẩm tra, thẩm định cũng không mất thời gian soát xét hồ sơ. Tuy nhiên cũng có nhược điểm do mỗi loại công trình xây dựng (dân dụng, công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, nông nghiệp và phát triển nông thôn...) và mỗi loại công tác tư vấn (lập, thẩm định, giám sát...) có tính chất, đặc điểm khác nhau nên cơ cấu chi phí khác nhau. [7] Vì thế quy định hiện nay chưa thực sự phù hợp với thực tế.

Bảng 2. Mức lương theo tháng của chuyên gia tư vấn trong nước

(Theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/ 01/ 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước) [5]

Mức chuyên gia	Chuyên gia tư vấn xây dựng	Đơn giá/tháng
Mức 1	a) Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 15 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn.	1. Mức 1, không quá 40.000.000 đồng/tháng
	b) Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 8 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn.	
	c) Chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh Trưởng nhóm tư vấn hoặc chủ trì tổ chức, điều hành gói thầu tư vấn.	
Mức 2	a) Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.	2. Mức 2, không quá 30.000.000 đồng/tháng
	b) Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 8 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.	
	c) Chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh chủ trì triển khai một hoặc một số hạng mục thuộc gói thầu tư vấn.	
Mức 3	a) Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.	3. Mức 3, không quá 20.000.000 đồng/tháng
	b) Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 3 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.	
Mức 4	a) Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.	4. Mức 4, không quá 15.000.000 đồng/tháng

(3) Chi phí thu nhập chịu thuế tính trước (lãi) có định mức 6% trên tổng chi phí chuyên gia và chi phí quản lý. Thực tế nhiều đơn vị tư vấn (đặc biệt là ngành Giao thông) phải đi vay ngân hàng với lãi suất 10-12%/năm để hoạt động do kế hoạch vốn trong phần lớn các dự án không đảm bảo dòng tiền chi trả cho tư vấn theo tiến độ. Thậm chí các hợp đồng tư vấn không được áp dụng lãi suất nếu bị trả chậm (mà điều này thường xuyên xảy ra). Như vậy, toàn bộ phần thu nhập chịu thuế tính trước chưa đủ để trả lãi vay ngân hàng, không thể đảm bảo sự phát triển của tổ chức tư vấn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như luật định. So sánh với các dự án đầu tư quốc tế, thu nhập chịu thuế tính trước của một số hãng tư vấn quốc tế để xuất đều ở mức từ 9-12%.

3.2. Chi phí tư vấn xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%)

Chi phí tư vấn xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) tương ứng với quy mô chi phí xây dựng, chi phí thiết bị hoặc quy mô chi phí xây dựng và chi phí thiết bị, theo loại công trình, cấp công trình, được quy định tương đối đầy đủ theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD. [8]

Tuy nhiên, định mức chi phí tư vấn nói chung thấp so với tính chất công việc, hoặc có những khoản mục chi phí không được quy định cụ thể, chưa phân định rõ phần chi phí cho công tác thuộc lĩnh vực xác định chi phí, đánh giá dự án nên nhiều đơn vị tư vấn không xem trọng và ít đầu tư cho công tác này. Cụ thể:

Một số công việc tư vấn có sự chênh lệch, chưa phù hợp. Như chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) hiện nay vẫn thấp hơn rất nhiều so với chi phí thiết kế, trong khi giai đoạn FS rất quan trọng, quyết định đến chất lượng, hiệu quả và tính sáng tạo của dự án; hoặc các công trình giao thông có định mức thiết kế thấp nhất so với 4 loại công trình còn lại (dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn và hạ tầng kỹ thuật). Thậm chí với loại công trình có yêu cầu thiết kế 3 bước, công trình giao thông chỉ bằng khoảng 50-60% so với các công trình khác [8]. Việc này chưa bao quát được đặc thù của công trình giao thông là có nhiều loại hình phức tạp như: Cầu, hầm, đường, đường sắt, hàng không; đặc biệt các công trình như cầu khẩu độ lớn, hầm, nút giao thông khác mức.

Định mức chi phí tư vấn thiết kế không thể hiện rõ là có chi phí thiết kế ý tưởng hay không? Không đề cập đến việc nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng khoa học công nghệ hoặc ý tưởng mới trong thiết kế..., dẫn đến sản phẩm thiết kế chưa thực sự tốt. Định mức chi phí tư vấn thẩm tra chưa tính đến phạm vi các công việc phải thẩm tra.

Các phân tích ở trên cho thấy phương pháp xác định chi phí tư vấn hiện nay vẫn còn nhiều tồn tại, chưa theo kịp thực tiễn, trong khi đây là căn cứ quan trọng để tính toán và quản lý chi phí.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Chi phí tư vấn là một trong những thành phần cấu thành quan trọng của dự toán xây dựng công trình, cần tiếp tục và liên tục nghiên cứu, hoàn thiện cả về nội dung cũng như phương pháp tính toán;

Bộ Xây dựng rà soát lại các định mức tỷ lệ % của những chi phí tư vấn đầu tư xây dựng đã ban hành sao cho phù hợp với công việc thực tế, đồng thời nghiên cứu xây dựng định mức tỷ lệ % cho những chi phí tư vấn đầu tư xây dựng chưa có định mức để làm căn cứ xác định và quản lý chi phí;

Xem xét xã hội hóa công tác xây dựng định mức với sự tham gia của các tổ chức tư vấn chuyên ngành phù hợp với các công tác đặc thù, đặc biệt với các công trình chịu tác động của nhiều yếu tố (địa hình, địa chất, điều kiện thi công, biện pháp thi công, ứng dụng công nghệ mới, nguồn và khả năng cung ứng vật liệu...).

Bộ Xây dựng cần điều chỉnh nội dung chi phí quản lý, mức chi phí quản lý; định mức hao phí chuyên gia tư vấn; chi phí thu nhập chịu thuế tính trước trong dự toán chi phí tư vấn xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Xây dựng cơ chế tiền lương và các chế độ ưu đãi đối với người lao động ngành Xây dựng phù hợp với điều kiện lao động đặc thù của ngành và phù hợp với nhu cầu của thị trường, đảm bảo thu hút nhân sự có chất lượng cao. Cần thay đổi tư duy trong việc xác định chi phí tư vấn, thay việc so sánh chi phí tư vấn với mức thu nhập chung của xã hội bằng việc xác định chi phí trên hiệu quả của công tác tư vấn, coi đây là một loại hình dịch vụ điển hình có thể đem lại hiệu quả rất lớn nếu sản phẩm tư vấn được đầu tư nghiên cứu thận trọng, mang hàm lượng chất xám lớn. Cần từng bước nhanh chóng thu hẹp khoảng cách giữa chi phí tư vấn trong nước và nước ngoài cho cùng một loại hình công tác, cùng trình độ năng lực, cùng địa bàn hoạt động, có như vậy mới hạn chế chảy máu chất xám. Bởi chi phí hợp lý cho công tác tư vấn để có được các sản phẩm chất lượng cao, được nghiên cứu kỹ lưỡng sẽ hạn chế lãng phí, đem lại hiệu quả đầu tư.

Ngoài ra, đối với doanh nghiệp tư vấn xây dựng, việc đào tạo, đào tạo lại đội ngũ tư vấn cần tiến hành thường xuyên, liên tục mới tạo nên đội ngũ giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực làm việc tốt với chủ đầu tư và đối tác. Đây là một khoản chi phí đáng kể cần được nhấn mạnh và lưu tâm. Vì vậy cần bổ sung và ghi rõ khoản chi phí phát triển doanh nghiệp, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn trong chi phí tư vấn để các doanh nghiệp có thêm nhận thức và dành khoản chi phí thích đáng để thực hiện các công việc này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Quốc hội, *Luật Xây dựng Số 50/2014/QH13* ngày 18/6/2014, Hà Nội, 2014.
- Quốc hội, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14* ngày 17/6/2020, Hà Nội, 2020.
- Chính phủ, *Nghị định số 10/2021/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng* ngày 09/02/2021, Hà Nội, 2021.
- Bộ Xây dựng, *Thông tư số 11/2021/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng*, ngày 31/8/2021, Hà Nội, 2021.
- Bộ Lao động thương binh xã hội, *Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước* ngày 12/01/2015, Hà Nội, 2015.
- Viện Kinh tế xây dựng, *đề tài Nghiên cứu hoàn thiện chi phí quản lý trong dự toán chi phí tư vấn đầu tư xây dựng*, 2022
- Bộ Xây dựng, *Thông tư số 12/2021/TT-BXD ban hành định mức xây dựng* ngày 31/8/2021, Hà Nội, 2021.